

KẾ HOẠCH
Giáo dục của tổ chuyên môn Lịch sử - Địa lý
Năm học 2024 - 2025

Căn cứ Kế hoạch giáo dục số 191/KH-THCSPB ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Trường THCS Phước Bình;

Căn cứ vào Kế hoạch tổ bộ môn Lịch sử-Địa lí của Phòng Giáo dục – Đào tạo Thành phố Thủ Đức;

Nhóm Lịch sử-Địa lí trường THCS Phước Bình xây dựng **Kế hoạch tổ bộ môn năm học 2024 – 2025** như sau:

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 52 lớp. Số học sinh: 2454. Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):00
2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: Số giáo viên: 10; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 1, Đại học: 08; Trên đại học:01

Stt	Họ và tên GV	Nữ	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Sdt/Email	Năm vào biên chế	Chuẩn nghề nghiệp
1	Đỗ Thị Lan Anh	Nữ	1979	TT	ĐHSP	0984190158	2003	Tốt
2	Huỳnh Thị Ngọc Mai	Nữ	1979		ĐHSP	0909796811	2001	Tốt
3	Trần Nhật Trí	Nam	1979		CĐSP	0983303032	2002	Tốt
4	Bùi Thị Xuyên	Nữ	1991	PCTCĐ	ĐHSP	0383242553	2016	Tốt
5	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	1976	TTCĐ	ĐHSP	0937234595	1998	Tốt
6	Nguyễn Thị Vân	Nữ	1989		ĐHSP	0367692055	2016	Tốt
7	Trần Thị Liên	Nữ	1983		ĐHSP	0779515300	2005	Tốt
8	Vương Quốc Bảo	Nam	1992		Thạc Sĩ	0915687402	2022	Tốt
9	Trần Quốc Lộc	Nam	1997		ĐHSP	0708161412	2023	Tốt
10	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	1991		ĐHSP	0374627960	2024	Tốt

Phân công đầu năm:

Stt	Họ và tên giáo viên	Môn dạy	Lớp dạy	Công tác kiêm nhiệm
1	Đỗ Thị Lan Anh	Sử-Địa	k8/5;8;9; k6/1, 3,13	TT, CN 8/5
2	Huỳnh Thị Ngọc Mai	Sử-Địa	k9/2;5;6;7;9;12;13;14+ k7/7	CN 9/13
3	Bùi Thị Xuyên	Sử-Địa	k6/4;7;11;16 + 7/9	PCTHCD,CN 6/7
4	Trần Nhật Trí	Sử-Địa	k9/1;3;4;8;10;11+ 8/ 1;3	CN 8/1
5	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Sử-Địa	k7/1;4;5;+k9/2;6;8->14	TTCD
6	Nguyễn Thị Vân	Sử-Địa	k8/2;4;6;7;10 + 6/2	CN 6/2
7	Trần Thị Liên	Sử-Địa	k6/5;6;9 +6/1->6/10 (GDĐP)	
8	Vương Quốc Bảo	Sử-Địa	k7/3;8;10;11;12 + k9/ 1;3;4;5;7	CN 7/3
9	Trần Quốc Lộc	Sử-Địa	K6/8;10;12;+ 7/2	CN 7/2
10	Nguyễn Thị Mỹ	Sử-Địa	K6/1,13, 14,15; K7/6,	

3. Thiết bị dạy học:

Khối 6:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Tập ảnh Lịch sử 6 (16 tờ/bộ)	2		
2	Bản đồ Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng	5		
3	Lược đồ các quốc gia cổ đại Phương Đông và Tây (79 x 109) cm	5		
4	Bản đồ trống bắc Việt Nam	4		
5	Bản đồ trống Việt Nam	1		

6	Hộp phục chế các hiện vật cổ	10		
7	Bộ tranh Địa lý 6 (14 tờ/ bộ)	3		
8	Bản đồ phân bố thực vật ở Việt Nam	3		
9	Bản đồ TP/Tỉnh (3BĐ tỉ lệ tương đương /1 lãnh thổ)	12		
10	Bản đồ Đông bán cầu và Tây bán cầu (79 x 109)cm	2		
11	Bản đồ phân bố lượng mưa trên thế giới (79 x 109)cm	3	Bài 15: Thực hành	
12	Bản đồ các nước trên thế giới (79 x 109 cm) (2 mảnh)	3		
13	Bản đồ địa lý tự nhiên thế giới (2 mảnh)	1	Bài 11: Thực hành	
14	Bản đồ tự nhiên Việt Nam (79 x 109)cm	3		
15	Mô hình sự chuyển động trái đất quanh mặt trời	3		
16	Mô hình đồng bằng	3		
17	Mô hình hệ thống sông & lưu vực sông	3		
18	Hộp quặng và khoáng sản chính của Việt Nam	3		
19	Quả địa cầu tự nhiên	3		
20	Địa bàn	18	Bài 8: Thực hành	
21	Nhiệt kế treo tường	3		
22	Vũ kế	3		
23	Âm kế	3		
24	Con quay gió	3		

Khối 7:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Ti vi, SGK, Giáo án, phiếu học tập, bảng phụ.	4		
2	- Tranh ảnh mô phỏng thành thị trung đại Bản đồ thế giới - Bản đồ Châu Âu.	3		
3	Bản đồ Trung Quốc thời phong kiến, Tranh ảnh các công trình kiến trúc thời phong kiến của Trung Quốc	2		
4	Bản đồ Châu Á. Lược đồ các nước ĐNA, Bản đồ hành chính ĐNA, tranh ảnh các công trình kiến trúc ở ĐNA.	3		
5	Sơ đồ bộ máy nhà nước thời Ngô. Lược đồ cuộc kháng chiến chống Tống	2		
6	Bản đồ hành chính VN hiện nay. Tư liệu về nền kinh tế thời Lý, tranh ảnh về kiến trúc thời Lý.	3		
7	Bản đồ ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông Nguyên. Tranh ảnh về kiến trúc điêu khắc thời Trần	2		
8	Bản đồ khởi nghĩa nông dân cuối thế kỉ XIV. Lược đồ khởi nghĩa Lam Sơn (1418- 1427. Lược đồ hành chính, sơ đồ xã hội nước Đại Việt thời Lê Sơ, tranh ảnh về một số làng nghề (Bát Tràng, Chu Đậu...)	5		
9	Lược đồ phong trào nông dân ở Đàng ngoài, Lược đồ căn cứ địa Tây Sơn, Lược đồ chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút. Lược đồ trận Ngọc Hồi- Đống Đa.	4		

10	Tranh ảnh chùa Tây phương, Ngọ Môn (Huế). Tranh ảnh Cửa Lê Hữu Trác, Hải Thượng Lãn Ông...	1		
----	---	---	--	--

Khối 8

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Lược đồ 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	4		
2	Lược đồ Cách mạng tư sản ở Châu Âu TK XVI - XIX	2		
3	Lược đồ thế giới từ năm 1919 – 1945	2		
4	Bản đồ các nước đế quốc xâm lược Trung Quốc	2		
5	Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á cuối TK XIX đầu TK XX	2		
6	Lược đồ thực dân Pháp đánh chiếm và các cuộc khởi nghĩa chống Pháp	2		
7	Lược đồ thực dân Pháp đánh chiếm và các cuộc khởi nghĩa chống Pháp	2		
8	Các cuộc khởi nghĩa chống Pháp cuối TK XIX đầu TK XX	2		
9	Các cuộc khởi nghĩa chống Pháp cuối TK XIX đầu TK XX	2		
10	Các nguồn tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học			
11	Các loại đồ dùng trực quan			

Khối 9

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm /thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	01/1GV	Tiết dạy phù hợp	GV chủ động sử dụng
2	Tivi	10	Tiết dạy phù hợp	GV chủ động sử dụng

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm /thực hành	Ghi chú
1	Tập bản đồ Lịch sử- địa lí 9	1 cuốn/1hs		
2	Lược đồ thế giới từ 1918 đến 1945	2		
3	Lược đồ thế giới 1939 - 1945	2		
4	Lược đồ Cách mạng tháng Tám 1945	2		
5	Lược đồ Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu năm 1945 - 1991	2		
6	Lược đồ Việt Nam từ 1954 - 1975	2		
7	Bản đồ dân số Việt Nam	2		
8	Bản đồ nông nghiệp Việt Nam	2		
9	Bản đồ công nghiệp Việt Nam	2		
10	Bản đồ giao thông Việt Nam	2		
11	Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc bộ.	2		
12	Bản đồ kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc bộ	2		
13	Bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng	2		
14	Bản đồ tự nhiên vùng Bắc Trung bộ.	2		

15	Bản đồ kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung bộ.	2		
16	Bản đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên	2		
17	Bản đồ tự nhiên vùng Đông Nam bộ	2		
18	Bản đồ kinh tế vùng Đông Nam bộ	2		
19	Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2		
20	Bản đồ một số ngành kinh tế biển Việt Nam	2		

3. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng Thư viện	1 phòng	Sử dụng để tổ chức BDHSG	
2	Phòng SHCM	1 phòng	Sử dụng để sinh hoạt CM, chuyên đề.	

II. Kế hoạch dạy học (theo khối lớp)

1. Phân phối chương trình (khung chương trình): thực hiện ở phần phụ lục đính kèm

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 – 90 phút	Tuần 9	-Khối 6: + Phân môn Sử: Bài 1 – 7 + Phân môn Địa: Bài 1 – 8 -Khối 7: + Phân môn Sử: Bài 1 – 7 + Phân môn Địa: Bài 1 – 8 - Khối 8: + Phân môn Sử: Bài 1 – 6 + Phân môn Địa: Bài 1 – 5 - Khối 9: + Phân môn Sử: Bài 1 – 8 + Phân môn Địa: Bài 1 - 7 Tỉ lệ: Sử 50%, Địa 50%	-Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): Trắc nghiệm kết hợp tự luận
Cuối Học kỳ	60 – 90	Tuần 18	-Khối 6:	Kiểm tra viết

1	phút		+ Phân môn Sử: Bài 1 – 13 + Phân môn Địa: Bài 1 – 15 -Khối 7: + Phân môn Sử: Bài 1 – 13 + Phân môn Địa: Bài 1 – 12 + Chủ đề chung 1, 2 -Khối 8: + Phân môn Sử: Bài 1 – 13 + Phân môn Địa: Bài 1 – 10 + Chủ đề chung 1, 2 (nếu đã dạy) -Khối 9: + Phân môn Sử: Bài 1 – 13 + Phân môn Địa: Bài 1 – 12 Tỉ lệ: Sử 50%, Địa 50%	(trên giấy hoặc trên máy tính): Trắc nghiệm kết hợp tự luận (theo chỉ đạo của Sở)
Giữa Học kỳ 2	60 – 90 phút	Tuần 27	-Khối 6: + Phân môn Sử: Bài 14- 18 (tiết 2) + Phân môn Địa: Bài 16 – 19 -Khối 7: + Phân môn Sử: Bài 14- 17 + Phân môn Địa: Bài 13 – 19 -Khối 8: + Phân môn Sử: Bài 14- 20 + Phân môn Địa: Bài 11 – 13 -Khối 9: + Phân môn Sử: Bài 14- 19 + Phân môn Địa: Bài 11 – 18	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): Trắc nghiệm kết hợp tự luận

			Tỉ lệ: Sử 50%, Địa 50%	
Cuối Học kỳ 2	60 – 90 phút	Tuần 35	-Khối 6: + Phân môn Sử: Bài 14- 21 + Phân môn Địa: Bài 16 – 22 -Khối 7: + Phân môn Sử: Bài 14- 21 + Phân môn Địa: Bài 13 – 23 -Khối 8: + Phân môn Sử: Bài 14- 23 + Phân môn Địa: Bài 11 – 15 + Chủ đề chung 1, 2 -Khối 9: + Phân môn Sử: Bài 14- 24 + Phân môn Địa: Bài 11 – 23 + Chủ đề chung 1, 2, 3 Tỉ lệ: Sử 50%, Địa 50%	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): Trắc nghiệm kết hợp tự luận (theo chỉ đạo của Sở)

(Yêu cầu cần đạt cụ thể của kiểm tra định kì ở phụ lục đính kèm)

3. Tổ chức dạy học qua internet (lồng ghép vào phân phối chương trình)

III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn

1. Khối lớp: 6; Số học sinh: 726

STT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	Tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương	-Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên. -Biết về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên tại địa phương.	3	Tuần 28, tháng 3 năm 2025	Thảo Cầm Viên	Tổ Lịch sử - Địa lí - GD&ĐT	Giáo viên trong tổ, GVCN các lớp	Điều kiện thời tiết phù hợp

2. Khối lớp: 7; Số học sinh: 746

STT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	Con người và thiên nhiên	-Nêu được các tác động của thiên nhiên lên đời sống và sản xuất của con người.	3	Tuần 15	Lớp học	Giáo viên Lịch sử & Địa lí	GVCN	Tivi, máy chiếu
2	Tham quan di tích lịch sử	-Giáo dục lòng yêu nước. -Giáo dục tinh thần trách nhiệm, ý thức giữ gìn các di tích lịch sử	3	Tuần 34	Bùng Bưng 6 xã	Lãnh đạo trường, GV tổ Lịch sử - Địa lí – GD&ĐT, TPT, Chi đoàn.		

2. Khối lớp: 8; Số học sinh: 545

ST T	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	Chủ đề chung 1: Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long	-Trình bày quá trình hình thành và phát triển của châu thổ, các chế độ nước của các dòng sông chính. -Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ.	4	Tuần 31,32,33	Lớp học	Giáo viên trực tiếp giảng dạy	Các giáo viên trong tổ	Phòng học, máy tính, máy chiếu
2	Chủ đề chung 2: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	-Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam. -Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo Việt Nam trong lịch sử.	5	Tuần 30,31,32,33,34	Lớp học	Giáo viên trực tiếp giảng dạy	Các giáo viên trong tổ	Phòng học, máy tính, máy chiếu

2. Khối lớp: 9; Số học sinh: 437

STT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	Chủ đề chung 1: Đô thị: Lịch sử	-Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát	2	Tuần 17,18	Lớp học	Giáo viên trực tiếp giảng	Các giáo viên trong	Phòng học, máy tính, máy chiếu

	và hiện tại	triển vùng. -Nêu được tác động của đô thị đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.				dạy	tổ	
2	Chủ đề chung 2: Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long	-Trình bày được những nét đặc sắc về văn hóa ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. - Đề xuất được một số giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở hai vùng đồng bằng châu thổ.	3	Tuần 30,31, 32	Lớp học	Giáo viên trực tiếp giảng dạy	Các giáo viên trong tổ	Phòng học, máy tính, máy chiếu
3	Chủ đề chung 3: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông	-Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam. -Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông.	3	Tuần 33,34, 35	Lớp học	Giáo viên trực tiếp giảng dạy	Các giáo viên trong tổ	Phòng học, máy tính, máy chiếu

IV. Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn

1. Phổ biến hồ sơ sổ sách GV thực hiện trong năm học:

a. Đối với tổ/ nhóm bộ môn:

- + Biên bản họp tổ/ nhóm.
- + Kế hoạch giáo dục tổ/ nhóm bộ môn.

b. Đối với giáo viên:

- Kế hoạch giáo dục cá nhân.
- Kế hoạch bài dạy (giáo án).
- Sổ theo dõi và đánh giá học sinh.
- Sổ chủ nhiệm (Đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm).

c. Nề nếp sinh hoạt tổ/ nhóm bộ môn

- Tổ nhóm sinh hoạt theo đúng quy định 2 lần/ tháng.
- Nội dung sinh hoạt chuyên môn theo định hướng nghiên cứu bài học.
- Bàn phương pháp giảng dạy các bài khó.
- Thống nhất trọng tâm các bài kiểm tra 1 tiết, thi học kỳ trong tháng.
- Thống nhất nội dung giảng dạy các chủ đề.
- Đăng ký thao giảng trong tháng.
- Nhận xét, đánh giá công tác dự giờ thăm lớp.
- Nhận xét đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy trong tháng để đề ra biện pháp thực hiện hiệu quả và thiết thực cho tháng sau.
- Đánh giá tình hình thực hiện chương trình, việc làm và sử dụng đồ dùng dạy học.
- Trao đổi thống nhất việc thực hiện sổ tự học bồi dưỡng thường xuyên.
- Phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong tổ, tổ chức thao giảng, chuyên đề.
- Tổ trưởng chuyên môn dự giờ giáo viên ít nhất 1 tiết/ học kỳ.
- Thực hiện xây dựng các chuyên đề, hội giảng cấp trường, cấp thành phố Thủ Đức, ...
- Xây dựng kho học liệu bài giảng của lớp và ngân hàng đề kiểm tra của các khối lớp cho nhà trường.
- TTCM kiểm tra hồ sơ sổ sách của giáo viên trong tổ 1 lần/ học kỳ, có nhận xét.

2. Kế hoạch chuyên đề - thao giảng:

a/ Thao giảng:

Stt	Tháng	Giáo viên thực hiện	Môn	Ghi chú điều chỉnh (nếu có)
1	9	C.Mai	LS-ĐL	
2	10	T.Bảo	LS-ĐL	
3	11	C.Mừng, T.Lộc	LS-ĐL	
4	1+2	C.Vân, C.Mỹ	LS-ĐL	
5	3	C.Xuyên	LS-ĐL	
6	4	T.Trí	LS-ĐL	

b. Làm ĐDDH:

Học kỳ	Tên ĐDDH	GV phụ trách	Số lượng
1	Mô hình văn hóa Trung Quốc.	T. Lộc	2
2	Đồ tái chế thân thiện với môi trường	C. Dung, C. Mừng	2

c. Thực hiện chuyên đề:

HK	Môn	Tên chuyên đề	GV viết CĐ	GV minh họa
1	GDCD	An toàn giao thông - Vui bước em đến trường	C.Mừng	C.Dung
2	Sử - Địa	Biển đảo Việt Nam - Nguồn cội từ bao đời thông qua Hội thi Rung chuông vàng ở k8,9.	C.Mai, C.Lan Anh	C. Hạnh, T. Lộc, T. Trí, C. Vân, T. Bảo.

d. Phân công soạn đề KT.

*** Môn Lịch sử - Địa lí**

Khối	Họ tên GV phụ trách	Giữa kỳ 1	Học kỳ 1	Giữa kỳ 2	Học kỳ 2	Ghi chú
6	Bùi Thị Xuyên	x	x	x	x	
	Trần Thị Liên	x	x	x	x	
7	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	x	x			
	Nguyễn Thị Mỹ.	x			x	
	Huỳnh Thị Ngọc Mai		x	x		
	Bùi Thị Xuyên	x			x	
8	Trần Quốc Lộc	x	x	x	x	
	Nguyễn Thị Vân	x	x	x	x	
9	Vương quốc Bảo	x	x	x	x	
	Trần Nhật Trí	x	x	x	x	

*** Môn GDCD**

Khối	Họ tên GV phụ trách	Giữa kỳ 1	Học kỳ 1	Giữa kỳ 2	Học kỳ 2	Ghi chú
6	Nguyễn Thị Mừng	x	x	x	x	
7	Lê Thị Dung	x	x	x	x	
8	Nguyễn Thị Mừng	x	x	x	x	
9	Lê Thị Dung	x	x	x	x	

e. Kiểm tra đánh giá.

- Kiểm tra đánh giá theo thông tư 22.

- Đối với những lớp có chất lượng bài kiểm tra đánh giá dưới 50% thì tổ chức ôn tập cho học sinh kiểm tra lại.

g. Bồi dưỡng thường xuyên.

Thường xuyên tham gia đầy đủ các lớp, buổi tập huấn bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

h. Kế hoạch thực hiện thi GVCN giỏi cấp Tp. Thủ Đức (tháng 1, 2/2024)

Tham gia thi giáo viên chủ nhiệm giỏi: T. Lộc

i. Phân công hướng dẫn tập sự:

k. Phân công thực hiện các tiết học ngoài nhà trường; dạy học trải nghiệm; dự án, tham quan học tập ngoại khóa.

*Môn Địa - Sử:

+ C. Lan Anh, Vân, T. Trí: K8

- + C. Mai, Mỹ Hạnh : K7.
- + T. Trí, Bảo : K9.
- + C. Xuyên, Lộc : K6.
- * Môn GDCCD
- + C. Dung: K6 +9
- + C. Mừng: K7 +8
- Tiết học ngoài nhà trường: T. Trí
- Dạy học trải nghiệm: C. Dung
- Dạy học tích hợp: Toàn thể gv trong tổ
- Dạy học theo dự án cũng như giáo dục Stem: C. Mừng, T. Trí, T. Bảo, T. Lộc, C. Xuyên, C. Vân
- Phân công tư vấn tâm lý học sinh: C. Dung
- Thiết kế bài giảng Eleang: C. Vân, C. Mai.
- Tham quan học tập ngoại khóa: GV trong tổ.
- Báo cáo, thống kê:
- + Môn Lịch sử - Địa lí: C. Lan Anh
- + Môn GDCCD: C. Mừng

2. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh có mức đánh giá chưa đạt:

a. Về bồi dưỡng học sinh giỏi

- Dạy bồi dưỡng học sinh trong đội dự tuyển học sinh giỏi.
- Chương trình, nội dung dạy bồi dưỡng học sinh giỏi được tổ chuyên môn thống nhất biên soạn bám sát chương trình Giáo dục phổ thông 2018 có phần mở rộng và nâng cao kiến thức cho các em học sinh.
- Thời lượng: 4 tiết/môn/ tuần, thực hiện vào sáng Thứ bảy hằng tuần, do giáo viên có nhiều kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi của từng bộ môn phụ trách.

STT	Môn	Tên GV bồi dưỡng	Cuộc thi phụ trách	Ghi chú điều chỉnh
1	LS- ĐL	C.Mai, T.Trí, T.Bảo, C.Lan Anh C.Vân, T. Lộc, T. trí, C.lan Anh	HSG K9 K8	
2	GDCCD	C.Dung, C.Mừng	An toàn giao thông	

b. Phụ đạo học sinh có mức đánh giá chưa đạt.

- Giúp học sinh có mức đánh giá chưa đạt được ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp thu bài mới được tốt hơn, nâng cao kết quả học tập.
- Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh, giảm tỷ lệ học sinh có mức đánh giá chưa đạt ở các khối lớp. Nhằm từng bước khắc phục tỷ lệ học sinh có mức đánh giá chưa đạt nâng dần chất

lượng dạy và học, hoàn thành chỉ tiêu giáo dục toàn diện của nhà trường.

3. Tham gia cuộc thi, hội thi

- Động viên giáo viên tích cực bồi dưỡng học sinh thi học sinh giỏi.
- Thi giáo viên chủ nhiệm giỏi, tìm hiểu ATGT.
- Vận động học sinh thi học sinh giỏi.
- Khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.
- Tham gia các Hội thi, hội thao do trường, ngành tổ chức.

4. Câu lạc bộ học thuật:

- Xây dựng câu lạc bộ Lịch sử và Địa lí.

5. Hướng dẫn nghiên cứu khoa học

- Tham gia các hội thi nhằm động viên, khuyến khích học nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề thực tiễn phát triển của Thành phố Thủ Đức.
- Thực hiện dạy học dự án các chủ đề chung Lịch sử và Địa lí 7, 8, 9; đổi mới kiểm tra thông qua sản phẩm dự án.

6. Nội dung khác

- Triển khai việc học tập, tập huấn module tiếp theo cho giáo viên trong chương trình bồi dưỡng thường xuyên như google số...
- Phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm lớp để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp cho học sinh.
- Thường xuyên liên lạc, hướng dẫn học sinh học tập, trả lời các câu hỏi của học sinh qua các phương tiện thông tin truyền thông.
- Thực hiện kế hoạch dạy học và kiểm tra đánh giá theo thống nhất chung của tổ chuyên môn. Có điều chỉnh cho phù hợp đối với thực tế lớp mà giáo viên đang giảng dạy.

* Đăng ký các danh hiệu thi đua

Stt	Họ và tên giáo viên	Môn dạy	Lao động tiên tiến	CSTĐ
1	Đỗ Thị Lan Anh	Địa - Sử	x	x
2	Huỳnh Thị Ngọc Mai	Địa - Sử	x	
3	Bùi Thị Xuyên	Địa - Sử	x	x
4	Trần Nhật Trí	Địa - Sử	x	
5	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Địa - Sử	x	
6	Nguyễn Thị Vân	Địa - Sử	x	
7	Trần Thị Liên	Địa - Sử	x	

8	Vương Quốc Bảo	Địa - Sử	x	x
9	Nguyễn Thị Mừng	GDCD	x	
10	Lê Thị Dung	GDCD	x	
11	Trần Quốc Lộc	Địa - Sử	x	x
12	Nguyễn Thị Mỹ	Địa - Sử	x	

*** Danh sách GV đăng ký dự thi GVCN giỏi TP Thủ Đức NH 2024-2025**

Stt	Họ và tên giáo viên	Môn dạy	Ghi chú
01	Trần Quốc Lộc	LS- ĐL	

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÀNG THÁNG

Tháng	Nội dung chính	Người phụ trách và thực hiện
Tháng 8	- Triển khai học chính trị giáo viên và viết bài thu hoạch theo kế hoạch của Phòng GDDT. - GV tham gia học chương trình giáo dục phổ thông 2018 - Xây dựng các kế hoạch nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục. Phân công phân nhiệm. - Chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung trang thiết bị, tổng vệ sinh toàn trường chuẩn bị khai giảng năm học mới. - Triển khai công tác chuyên môn, xây dựng kế hoạch cá nhân, thống nhất nội dung chương trình, sinh hoạt quy chế chuyên môn giáo viên - 23/8: Tổ chức tựu trường, nhập học, sinh hoạt đầu năm. - 27/8: Tập dợt khai giảng.	BGH - GV Tổ chuyên môn TT Tổ chuyên môn Ban giám hiệu Toàn trường
	- 5/9/2024: Tổ chức Khai giảng năm học mới, vào chương trình học kỳ I.	Toàn tổ

Tháng 9	- Triển khai kế hoạch chuyên môn đầu năm. - Thống nhất các loại hồ sơ, sổ sách. - Dự họp triển khai chuyên môn PGD. - Triển khai kế hoạch và bồi dưỡng HSG khối 9. - Xây dựng qui chế hoạt động, sinh hoạt chuyên môn định kỳ, thao giảng, chuyên đề, tiết giáo án điện tử ... - Tổ chức họp CMHS đầu năm, Đại hội CMHS - Đánh giá công chức, viên chức quý 3 - Lên tiết thao giảng tháng: C. Mai	Tổ CM, GVCN GV dạy bồi dưỡng Tổ chuyên môn - GVCN
Tháng 10	- Hoàn thành hồ sơ đăng ký thi đua - Lập danh sách HS học bồi dưỡng LS-ĐL K8 - Tổ chức cho GV và HS thi tìm hiểu ATGT - Tổ chức Hội nghị CB-CC, - Tổ chức ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10. - Sinh hoạt chuyên môn, nhóm bộ môn định kỳ. - 26/10: Học sinh lớp 9 thi HSG TPTĐ - Tổ chức BDHSG môn LS- ĐL ở khối 8, 9. - Báo kết quả học tập của hs về gia đình. -Tổ chức chuyên đề, thao giảng: Môn GD CD - Kiểm tra, dự giờ GV - Tổ chức kiểm tra giữa kỳ 1 - Lên tiết thao giảng tháng: T. Bảo - Phân công thao giảng tháng 11: C. Mai, C. Dung thiết kế bài giảng Eleang, C. Mừng lên tiết PPT, T. Lộc làm đồ dùng dạy học. -Tham gia thi tìm hiểu lịch sử Tp. Thủ Đức.	TT CTCD Nhóm GD CD Tổ chuyên môn Tổ chuyên môn GVCN Tổ chuyên môn Nhóm GD CD TT GV tham gia thao giảng. T.Bảo, C. Xuyên, C. Lan Anh.

	- Tham gia các phong trào hội thao của ngành, trường.	
Tháng 11	- Tổ chức hội thi giáo viên giỏi cấp trường, đề cử dự cấp Tp. Thủ Đức. - Tổ chức thi đua “Thầy dạy tốt - trò học tốt”, phong trào “Hoa điểm 10” mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 - Tổ chức hội thi “Tiếng hát mái trường xanh “cấp trường, thi làm báo tường, vẽ thiệp chào mừng 20/11 - Tiếp tục dự giờ GV, kiểm tra bộ phận theo kế hoạch đề ra. - Tổ chức môn sinh hoạt định kỳ, thực hiện Hội giảng - Tổ chức Hoạt động tham quan học tập khối 6, 7, 8. - Báo kết quả học tập giữa kỳ. - Lên tiết thao giảng tháng: T. Lộc, C. Mừng	Tổ chuyên môn Tổ chuyên môn GVCN Tổ chuyên môn Ban Giám Hiệu T.Lộc, C. Mừng
Tháng 12	- Tổ chức ôn tập và kiểm tra HKI nghiêm túc. - Lập DSGV thi giáo viên giỏi cấp TPTĐ - Tổ chức sơ kết HKI. - Tổ chức xét duyệt HKI. - Kiểm tra HSSS cuối kỳ. - Đánh giá VC quý 4	Ban Giám Hiệu T.Lộc Tổ chuyên môn,

Tháng 01	- Tổ chức sơ kết, khen thưởng HKI. In, ký, duyệt SĐĐT HKI - Sơ kết tổ bộ môn, rút kinh nghiệm cho HKII. - Tổ chức sơ kết thi đua đợt 1, phát động thi đua đợt 2 - Thực hiện chương trình HKII. - Họp phụ huynh báo kết quả HKI. - Tham quan trải nghiệm khối 9 - Báo cáo Sơ kết HKI - Thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp TPTĐ - Phân công trực Tết Nghỉ tết Âm lịch. - Lên tiết thao giảng tháng: C. Mỹ	Ban Giám Hiệu Tổ chuyên môn GVCN Ban giám hiệu Tổ chuyên môn Tổ chuyên môn GVCN
Tháng 02	- Bồi dưỡng HSG. - Sinh hoạt chuyên môn định kỳ, hoàn thành viết sáng kiến, kiểm tra giáo án. Tổ chức xét duyệt sáng kiến - Lên tiết thao giảng tháng: C. Vân	GV dạy bồi dưỡng GV, GVCN TT, CSTĐ
Tháng 3	- Hoạt động chào mừng 08/3 - Thi học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố. - Tổ chức kiểm tra giữa kỳ. - Báo cáo kết quả học tập giữa kỳ. - Tư vấn Hướng nghiệp cho HS lớp 9 - Đánh giá viên chức quý - Lên tiết thao giảng tháng: C. Xuyên - Lên chuyên đề HKII: Môn Lịch sử - địa lí	Công đoàn Tổ chuyên môn GVCN 9 TT GV nhóm LS-ĐL
Tháng 4	- Tập trung ôn tập cho học sinh, đảm bảo đúng PPCT - Tổ chức nghiêm túc kiểm tra HKII, coi thi, chấm thi, xét duyệt kết quả theo qui định	Tổ chuyên môn Tổ chuyên môn

	- Kiểm tra HSSS, hồ sơ lớp 9 - Tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương - Lên tiết thao giảng tháng: T. Trí	GVCN 9 Chi đoàn, Đội Tổ chuyên môn
Tháng 5	- Xét duyệt cuối năm. - Tổng kết các hoạt động cuối năm. - Tổ chức họp phụ huynh báo kết quả cuối năm. - Tổ chức đánh giá, bình chọn thi đua cuối năm. - Đánh giá VC, NLĐ cuối năm, đánh giá chuẩn GV - Tổ chức Lễ Tổng kết phát thưởng. - Tổ chức Lễ Tri ân và trưởng thành.	BGH, giáo viên Tổ, nhóm chuyên môn GVCN Tổ nhóm chuyên môn GVCN 9
Tháng 6	- HS lớp 9 thi tuyển lớp 10, GV coi thi, TN.THPT. - GVCN hướng dẫn HS sinh hoạt hè. - Tổ chức tham quan hè - Ôn tập và tổ chức cho học sinh khối 6,7,8 thi lại	Tổ Công đoàn BGH, giáo viên Công đoàn
Tháng 7	- Bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 9 - CBQL, GV tham gia học chuyên môn, BDTX.	Tổ chuyên môn

Nơi nhận:

- PGD-ĐT (để báo cáo)
- BGH (để theo dõi)
- Tổ CM (để thực hiện)
- Lưu

Thành phố Thủ Đức, ngày 30 tháng 9 năm 2024

TỔ TRƯỞNG

ĐỖ THỊ LAN ANH

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

Thái Vân Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS PHƯỚC BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 28 tháng 9 năm 2024

Số:/.....

Phụ lục I
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ- KHỐI LỚP 6
(Năm học 2024 - 2025)

105 tiết/35 tuần (Sử: 45 tiết; Địa: 44 tiết; KTĐG: 16 tiết)

HKI: 18 tuần; HKII: 17 tuần

Dạy xen kẽ tuần sử- tuần địa

STT (1)	Bài học (2)	Tiết (3)	Yêu cầu cần đạt (4)	Nội dung tích hợp/lồng ghép	Hình thức dạy học (6)
PHẦN LỊCH SỬ					
1	TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ? – Lịch sử là gì? – Dựa vào đâu để biết và	(3 tiết) 1 2 3	- Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. - Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. - Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử. - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ		Trên lớp +lms

	– Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy		- Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã. - Mô tả và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông. - Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)		
3	XÃ HỘI CỔ ĐẠI – Ai Cập và Lưỡng Hà	(10 tiết) 19 20 21	– Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà. – Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà. – Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà.		Trên lớp +lms
4	Ôn tập	25			
	Kiểm tra giữa kì 1	27			
5	– Ấn Độ – Trung Quốc	31 32 33 37 38	- Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng. - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ. - Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ. - Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại. - Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng. - Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều		Trên lớp +lms

	– Hy Lạp và La Mã	39 43	đến nhà Tùy. - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc. – Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã. – Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã. – Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã.		
6	ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X – Khái lược về khu vực Đông Nam Á – Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á – Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X	(4 tiết) 44 45 49 50	- Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á. - Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. - Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á. - Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X		Trên lớp +lms

7	Ôn tập	51			
	Kiểm tra cuối kì 1	53			
8	VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU TK X	(22 tiết)		Giáo dục QPAN:	Trên lớp +lms
	– Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc	58	- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ.	-Địa danh lịch sử gắn với các cuộc	
	+ Nhà nước Văn Lang	59	- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.	kháng	
	+ Nhà nước Âu Lạc	60	- Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.	chiến	
	– Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc từ thế kỉ II trước Công nguyên đến năm 938	64	- Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.	chống	
	+ Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc	65	- Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hóa ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.	giặc	
	+ Sự chuyển biến về kinh tế, văn hoá trong thời kì Bắc thuộc	66	- Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.	ngoại	
	+ Các cuộc đấu tranh	70	- Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa.	xâm của dân tộc.	
		71	- Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.	-Cách	
		72	- Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.	đánh mưu	
		75	- Lập được biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.	trí, sáng	
		76		tạo của quân và dân ta trong các cuộc	
				kháng	

	giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc			<i>chiến chống giặc ngoại xâm.</i>	
9	Ôn tập	77			
	Kiểm tra giữa kì 2	79			
10	+ Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc	81 85 86 87	- Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa. - Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. - Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. - Lập được biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.		Trên lớp +lms
	+ Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X	91 92	- Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương. - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.		
	– Vương quốc Champa	93 97	- Mô tả được sự thành lập và quá trình phát triển của nước Cham Pa. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa.		

		98	- Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Cham Pa.		
	– Vương quốc Phù Nam	99 10	- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. - Nhận biết được một số thành tựu văn hóa của Phù Nam.		
11	Ôn tập	102			
	Kiểm tra cuối kì 2	104			
PHẦN ĐỊA LÍ					
12	TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ? – Những khái niệm cơ bản và kỹ năng chủ yếu – Những điều lý thú khi học môn Địa lí – Địa lí và cuộc sống	(1 tiết) 4	- Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kỹ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt. - Hiểu được ý nghĩa và sự lý thú mà môn địa lí mang lại. - Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách qua về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.		Trên lớp +lms

13	BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT – Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ – Các yếu tố cơ bản của bản đồ – Các loại bản đồ thông dụng – Lược đồ trí nhớ	(5 tiết) 5 6 10 11 12	– Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu; ghi được toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. – Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới. – Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. – Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. – Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. – Biết tìm đường đi trên bản đồ. – Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.		Trên lớp +lms
14	TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI – Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời – Hình dạng, kích thước Trái Đất – Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	(6 tiết) 16 17 18 22 23 24	– Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. – Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. – Mô tả được chuyển động của Trái Đất (quanh trục và quanh Mặt Trời). – Xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên hoặc dùng địa bàn. – Nhận biết được giờ địa phương/giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. – Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau và mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh		Trên lớp +lms

			tuyến. – Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.		
15	Ôn tập	26			
	Kiểm tra giữa kì 1	28			
16	CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT – Cấu tạo của Trái Đất – Các mảng kiến tạo – Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này – Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi – Các dạng địa hình chính – Khoáng sản	(5 tiết)	– Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp. – Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. – Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân của hiện tượng này. – Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra. – Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh. – Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. – Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất. – Biết đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. – Kể được tên một số loại khoáng sản.		Trên lớp +lms
		29			
		30			
		34			
		35			
		36			
17	KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	(6 tiết)	– Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối		Trên lớp +lms
		40			

	– Các tầng khí quyển. Thành phần không khí – Các khối khí. Khí áp và gió – Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó	41 42 48 47 48	lưu và tầng bình lưu; hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic. – Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí. – Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. – Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. – Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa. – Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế. – Phân biệt được thời tiết và khí hậu. – Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu. – Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. – Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. – Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.		
18	Ôn tập	52			
	Kiểm tra cuối kì 1	54			
19	NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT – Các thành phần chủ yếu của thủy quyển	(6 tiết) 55	– Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. – Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.		Trên lớp +lms

	– Vòng tuần hoàn nước – Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ – Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển – Nước ngầm và băng hà	56 57 61 62 63	– Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. – Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. – Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. – Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển. – Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới. – Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.		
20	ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT – Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất – Các nhân tố hình thành đất – Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất	(10 tiết) 67 68 69 73 74	– Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất. – Trình bày được một số nhân tố hình thành đất. – Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.		Trên lớp +lms
21	Ôn tập	78			
	Kiểm tra giữa kì 2	80			
22	– Sự sống trên hành tinh – Sự phân bố các đới thiên	82 83	– Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương. – Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên		

	nhiên – Rừng nhiệt đới	84 88 89	thế giới. – Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới. – Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.		
23	CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN – Dân số thế giới – Sự phân bố dân cư thế giới – Con người và thiên nhiên – Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững	(5 tiết) 90 94 95 96 101	– Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới. – Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. – Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. – Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. – Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất. – Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương. – Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.		Trên lớp +lms
24	Ôn tập	103			
	Kiểm tra cuối kì 2	105			

Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ1	60 - 90 phút	Tuần 9	- Tỉ lệ: Sử 50%, Địa 50% - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...). - Biết được cách tính thời gian trong lịch sử. - Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy. - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người. - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã. - Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Ai Cập. - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà. - Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ và kinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến. - Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. -Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. -Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. - Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất trên mô hình quả địa cầu	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận

			- Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,... - Trình bày được các hệ quả do chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.	
Cuối Học kỳ 1	60 – 90 phút	Tuần 18	- Tỷ lệ: Sử 50%, Địa 50% - Trình bày được những nét chính về đời sống của người nguyên thủy (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...) - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập. - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ. - Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ. - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc. - Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp. - Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã. - Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)
Giữa Học kỳ 2	60 – 90 phút	Tuần 27	- Tỷ lệ: Sử 50%, Địa 50% - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc. - Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc. - Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. - Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận

			- Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. - Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. - Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương. - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh. - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. - Kể được tên một số loại khoáng sản. - Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn - Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. - Nguồn cung cấp của nhiệt độ không khí. - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. - Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa. - Phân biệt thời tiết và khí hậu. - Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu.	
Cuối Học kỳ 2	60 – 90 phút	Tuần 35	- Tỉ lệ: Sử 50%, Địa 50% - Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa. - Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938. - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Cham Pa. - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. - Nhận biết được một số thành tựu văn hóa của Phù Nam.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)

			- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. - Kể tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà - Có ý thức sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên nước - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất. - Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới. - Mô tả sự đa dạng của thế giới sinh vật - Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. - Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới. - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. - Trình bày được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên mà các em có thể làm được	
--	--	--	--	--

Thành phố Thủ Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Phụ lục II
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP 7
(Năm học 2024 - 2025)

105 tiết/35 tuần (Sử: 42 tiết; Địa: 40 tiết; CD chung: 7; KTĐG: 16 tiết)
HKI: 18 tuần; HKII: 17 tuần
Dạy xen kẽ tuần sử- tuần địa

Số TT (1)	Bài học (2)	Tiết (3)	Yêu cầu cần đạt (4)	Nội dung tích hợp/lồng ghép	Hình thức dạy học (6)
			PHÂN LỊCH SỬ		
1	TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI – Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu	(7 tiết) 1 2 3 7 8 9	– Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu. – Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu. – Phân tích được vai trò của thành thị trung đại. – Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo.		Trên lớp +lms

	– Các cuộc phát kiến địa lí – Văn hoá Phục hưng – Cải cách tôn giáo – Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại	13	– Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới. – Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí. – Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI. – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng. – Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu. – Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo. – Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo. – Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. – Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.		
2	TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX – Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX – Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX	(5 tiết) 14 15 19 20 21	– Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh). – Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường. – Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh. – Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...).		Trên lớp +lms

3	Ôn tập	25			
	Kiểm tra giữa kì 1	27			
4	ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX – Vương triều Gupta – Vương triều Hồi giáo Delhi – Đế quốc Mogul	(4 tiết)			Trên lớp +lms
		31	– Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.		
		32	– Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul.		
		37	– Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.		
5	ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI – Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI – Vương quốc Campuchia – Vương quốc Lào	(4 tiết)			Trên lớp +lms
			38	– Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.	
			39	– Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.	
			42		
			43	– Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia.	
				– Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.	
				– Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia.	
				– Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.	
				– Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào	

			thời Lan Xang. – Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.		
6	Chủ đề chung 2: Đô thị: Lịch sử và hiện tại (1) – Các đô thị cổ đại và các nền văn minh cổ đại – Các đô thị trung đại châu Âu và giới thương nhân	(3 tiết) 47 48 49	– Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể). – Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại; vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại.		
7	Ôn tập	51			
	Kiểm tra cuối học kì I	53			
8	VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI – Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009: thời Ngô – Đinh – Tiền Lê – Việt Nam từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIII: thời Lý	(20 tiết) 55 56 57 61 62 63	– Nêu được những nét chính về thời Ngô. – Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh. – Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981. – Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê. – Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê. – Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uân.	Giáo dục QPAN: -Cách đánh mưu trí, sáng	Trên lớp +lms

	– Việt Nam từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XV: thời Trần, Hồ + Thời Trần	67 68 69 73 74 75	– Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý. – Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077). – Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...). – Mô tả được sự thành lập nhà Trần. – Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần. – Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. – Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt. – Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá và đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,...	<i>tạo của quân và dân ta trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. -Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm.</i>	
9	Ôn tập	78			
	Kiểm tra giữa học kì II	80			
10	+ Thời Hồ	82 83 84	– Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ. – Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ. – Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh.		Trên lớp +lms

	– Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)	88 89 90	– Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược. – Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. – Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. – Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...		
	– Việt Nam thời Lê sơ (1428 – 1527)	94 95	– Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ. – Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ. – Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ.		
	– Vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	96 100	Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.		Trên lớp +lms
11	Ôn tập cuối kì	102			
	Kiểm tra cuối học kì II	104			
PHẦN ĐỊA LÍ					
12	CHÂU ÂU	(6 tiết)			Trên lớp +lms
	– Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu	4	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.		
	– Đặc điểm tự nhiên	5	– Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu, đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các		

	– Đặc điểm dân cư, xã hội – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên – Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)	6 10 11 12	sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga); các đới thiên nhiên. – Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. – Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu. – Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.		
13	CHÂU Á – Vị trí địa lí, phạm vi châu Á – Đặc điểm tự nhiên – Đặc điểm dân cư, xã hội – Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á – Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á	(6 tiết) 16 17 18 22 23 24	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á. – Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á. – Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn. – Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á. – Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á. – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung		Trên lớp +lms

			Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore).		
14	Ôn tập	26			
	Kiểm tra giữa kì 1	28			
15	CHÂU PHI	(7 tiết)			Trên lớp +lms
	– Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi	29 30	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.		
	– Đặc điểm tự nhiên	34 35 36	– Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi; một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...).		
	– Đặc điểm dân cư, xã hội	40 41	– Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi (ví dụ: vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột quân sự,...).		
	– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên – Khái quát về Cộng hoà Nam Phi		– Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau. – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.		
16	Chủ đề chung: CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ	(4 tiết)			Trên lớp +lms
	– Nguyên nhân của các cuộc phát kiến địa lí	44 45	– Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.		
	– Một số cuộc đại phát kiến địa lí	46 47	– Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).		

	– Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử		– Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.		
	Ôn tập	52			
	Kiểm tra cuối học kì I	54			
18	CHÂU MỸ – Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ – Phát kiến ra châu Mỹ – Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ) – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ	(8 tiết) 58 59 60 64 65 66 70 71	– Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ. – Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc Christopher Colombus phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502). Bắc Mỹ: – Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên. – Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá. – Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững. – Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng. Trung và Nam Mỹ: – Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều Đông – Tây, theo chiều Bắc – Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes); đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon. – Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh. – Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng Amazon.		Trên lớp +lms

19	CHÂU ĐẠI DƯƠNG	(7 tiết)			Trên lớp +lms
	– Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương	72 76 77	– Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia.		
20	Ôn tập	79			
	Kiểm tra giữa học kì II	81			
21	– Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia	85 86 87	– Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia.		Trên lớp +lms
	– Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	91	– Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia. – Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia.		
22	CHÂU NAM CỰC	(6 tiết)			Trên lớp +lms
	– Vị trí địa lí của châu Nam Cực	92 93	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.		
23	– Lịch sử phát kiến châu Nam Cực	97 98 99	– Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.		
	– Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực	101	– Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực. – Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.		
23	Ôn tập cuối kì	103			
	Kiểm tra cuối học kì II	105			

 Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 – 90 phút	Tuần 9	- Tỷ lệ: Sử 50%, Địa 50% – Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu. – Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí. – Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu. – Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu. – Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo. – Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo. - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu. - Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. – Đặc điểm tự nhiên – Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. – Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí. – Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận
Cuối Học kỳ 1	60 – 90 phút	Tuần 18	- Tỷ lệ: Sử 50%, Địa 50% – Phân tích được vai trò của thành thị trung đại. – Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo. – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

		– Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. – Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh. – Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...). – Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ dưới thời vương triều Gupta. – Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ dưới thời đế quốc Mogul. – Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. – Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor. – Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia. – Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu, đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga); các đới thiên nhiên. - Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới. – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á. Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn. – Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á. – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi. – Đặc điểm tự nhiên – Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi; một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...). - Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu	-Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)
--	--	---	---

			Phi (ví dụ: vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột quân sự,...). – Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử. – Trình bày được vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại.	
Giữa Học kỳ 2	60 – 90 phút	Tuần 27	- Tỷ lệ: Sử 50%, Địa 50% – Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn. – Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý. – Mô tả được sự thành lập nhà Trần. – Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá thời Trần. – Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. –Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,... – Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ. - Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên. – Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá. -Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều Đông – Tây, theo chiều Bắc – Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes); đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận
Cuối Học kỳ 2	60 – 90 phút	Tuần 35	- Tỷ lệ: Sử 50%, Địa 50% – Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077). – Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...).	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

		– Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần. – Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt. – Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. – Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. – Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ. – Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ. – Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ. – Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững. – Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng. - Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh – Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia. - Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia. – Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực. – Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.	-Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)
--	--	--	---

Thành phố Thủ Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Phụ lục III
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP 8
(Năm học 2024 - 2025)

105 tiết/35 tuần (Sử: 41 tiết; Địa: 39 tiết; CD chung: 9; Ôn tập+KTĐG: 16 tiết)
HKI: 18 tuần; HKII: 17 tuần

Dạy xen kẽ tuần sử- tuần địa

Số TT (1)	Bài học (2)	Tiết (3)	Yêu cầu cần đạt (4)	Nội dung tích hợp/lồng ghép	Hình thức dạy học (6)
PHẦN LỊCH SỬ					
1	CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII – Cách mạng tư sản Anh – Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. – Cách mạng tư sản Pháp	(4 tiết) 1 2 3 7	– Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII. – Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, tính chất của cách mạng tư sản. – Nêu được một số đặc điểm chính của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu ở Anh, Pháp, Mỹ.		Trên lớp +lms

	– Cách mạng công nghiệp		– Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp. – Nêu được những tác động quan trọng của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và đời sống		
2	ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XIX – Quá trình xâm lược Đông Nam Á của thực dân phương Tây – Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á – Cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á	(2 tiết) 8 9	– Trình bày được những nét chính trong quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á. – Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây. – Mô tả được những nét chính về cuộc đấu tranh của các nước Đông Nam Á chống lại ách đô hộ của thực dân phương Tây.		Trên lớp +lms
3	VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII – Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn – Những nét chính trong quá trình mở cõi từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII – Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII – Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn	(11 tiết) 13 14 15 19 20 21 31 32 33	– Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc. – Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. – Nêu được hệ quả của xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. – Trình bày được khái quát về quá trình mở cõi của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. – Mô tả và nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn. – Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII.	Giáo dục	Trên lớp +lms

	biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII. – Phong trào Tây Sơn Kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII	37 38	Trình bày được một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ và mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn: lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê; đánh bại quân Xiêm xâm lược (1785) và đại phá quân Thanh xâm lược (1789),... – Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn. - Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế. – Mô tả và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.	QPAN: Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm.	
4	Ôn tập Kiểm tra giữa kì 1	25 27			
5	CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX - Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc - Các nước Âu – Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX - Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Marx	(6 tiết) 39 43 44 45 49 50	– Mô tả được những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc. – Trình bày những nét chính về Công xã Paris (1871) và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nhà nước kiểu mới – nhà nước của giai cấp vô sản đầu tiên trên thế giới. – Nhận biết được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân. – Trình bày được một số hoạt động chính của Karl Marx, Friedrich Engels và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.		Trên lớp +lms

	– Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) - Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917		– Mô tả được một số hoạt động tiêu biểu của phong trào công sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX (phong trào công nhân, sự ra đời và hoạt động của các Đảng và các tổ chức công sản,...). – Nêu được nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất. – Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) đối với lịch sử nhân loại. – Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễn biến, tác động và ý nghĩa lịch sử) của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.		
	Ôn tập	51			
	Kiểm tra cuối kì 1	53			
7	SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KỸ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KỈ XVIII – XIX – Một số thành tựu khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật của nhân loại trong các thế kỉ XVIII – XIX – Tác động của sự phát triển khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX	(2 tiết) 55 56	- Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX. - Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.		
8	CHÂU Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	(5 tiết)			Trên lớp +lms

	- Trung Quốc - Nhật Bản - Ấn Độ - Đông Nam Á	57 61 62 63 67	- Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc. - Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi. - Nhận biết được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi. - Nêu được những nội dung chính của cuộc Duy tân Minh Trị. - Trình bày được ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị. - Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX. - Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.		
9	VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX – Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX – Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX	(11 tiết) 68 69 73 74 75	– Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn. – Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn. – Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn. – Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884).		Trên lớp +lms
10	Ôn tập	78			
	Kiểm tra giữa kì 2	80			

11	- Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX	82 83 84	– Nhận biết được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước. – Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế.		Trên lớp +lms
	– Việt Nam đầu thế kỉ XX	88 89 90	– Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của người Pháp đối với xã hội Việt Nam – Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành		
12	Ôn tập	102			
	Kiểm tra cuối kì 2	104			
PHẦN ĐỊA LÍ					
13	ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM - Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ – Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam	(3 tiết) 4 5 6	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí. – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam.		Trên lớp +lms
14	ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM – Đặc điểm chung của địa hình – Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình - Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác	(9 tiết) 10 11 12 16 17 18	– Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam. – Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa. – Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh		

	kinh tế – Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu	22 23 24	tế. – Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. - Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản		
15	Ôn tập	26			
	Kiểm tra giữa kì	28			
16	ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM – Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng – Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam – Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn – Hồ, đầm và nước ngầm	(11 tiết) 29 30 34 35 36 40 41 42 46 47 48	– Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam. – Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau. – Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam. – Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam. – Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. – Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn. – Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn. – Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt. – Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất		Trên lớp +lms

	– Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta		nông nghiệp. – Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta. – Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.		
17	Ôn tập	52			
	Kiểm tra cuối học kì I	54			
18	ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM				
	– Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng	(11 tiết)	– Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.		
		58			
	– Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính	59	– Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.		
		60			
	– Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam	64	– Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.		Trên lớp +lms
		65	– Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản.		
		66	– Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất.		
		70			
		71			
		72			
	– Đặc điểm chung của sinh vật	76	– Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.		
		77			
	– Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam		– Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.		
19	Ôn tập	79			
	Kiểm tra giữa học kì II	81			
20	BIỂN ĐẢO VIỆT NAM	(5 tiết)		Giáo dục QPAN:	Trên lớp +lms

	- Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam - Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông - Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam	85 86 87 91 92	– Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam. – Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam. - Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc; trình bày được các khái niệm vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam). – Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. – Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.	-Giới thiệu một số mốc quốc giới. -Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam.	
21	VĂN MINH CHÂU THỎ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (1) – Quá trình hình thành và phát triển châu thổ; chế độ nước của các dòng sông chính – Quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự các dòng sông	(4 tiết) 93 94 95 96	– Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ; mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính. – Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long.		
22	BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (1) - Phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam	(5 tiết) 97 98 99 100 101	– Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).	Giáo dục QPAN: -Giới thiệu một số mốc quốc giới. -Giới thiệu hoạt động,	Trên lớp +lms

	– Đặc điểm môi trường và tài nguyên biển, đảo - Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam		– Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. – Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.	<i>hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam.</i>	
23	Ôn tập cuối kì	103			
	Kiểm tra cuối học kì II	105			

 Kiểm tra, đánh giá định kì:

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 - 90 phút	Tuần 9	– Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, tính chất của cách mạng tư sản. – Nêu được những tác động quan trọng của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và đời sống. – Trình bày được những nét chính trong quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á. – Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây. – Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. – Nêu được hệ quả của xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. – Trình bày được khái quát về quá trình mở cõi của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. – Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế. – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí. – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận

			thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. – Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa. – Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. – Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. – Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. – Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.	
Cuối Học kỳ 1	60 - 90 phút	Tuần 18	– Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII. – Nêu được một số đặc điểm chính của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu ở Anh, Pháp, Mỹ. – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp. – Mô tả được những nét chính về cuộc đấu tranh của các nước Đông Nam Á chống lại ách đô hộ của thực dân phương Tây. – Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc. – Mô tả và nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn. – Mô tả và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. – Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII. – Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)

		thế kỉ XVIII. – Trình bày được một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ và mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn: lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê; đánh bại quân Xiêm xâm lược (1785) và đại phá quân Thanh xâm lược (1789),... – Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn. – Mô tả được những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc. – Nhận biết được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. – Trình bày những nét chính về Công xã Paris (1871) và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nhà nước kiểu mới – nhà nước của giai cấp vô sản đầu tiên trên thế giới. – Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân. – Trình bày được một số hoạt động chính của Karl Marx, Friedrich Engels và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. – Mô tả được một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX (phong trào công nhân, sự ra đời và hoạt động của các Đảng và các tổ chức cộng sản,...). – Nêu được nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất. – Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) đối với lịch sử nhân loại. – Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễn biến, tác động và ý nghĩa lịch sử) của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. – Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam. – Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng	
--	--	--	--

			hợp lí tài nguyên khoáng sản. – Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam. – Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam. – Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn. – Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn. – Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt. – Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam. – Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. – Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp. – Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta. – Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.	
Giữa Học kỳ 2	60 - 90 phút	Tuần 27	– Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX. – Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX. – Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc. – Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi. – Nhận biết được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi. – Nêu được những nội dung chính của cuộc Duy tân Minh Trị. – Trình bày được ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận

			– Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. – Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX. – Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. – Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn. – Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng. – Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính. – Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp. – Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản. – Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất. – Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.	
Cuối Học kỳ 2	60 - 90 phút	Tuần 35	– Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn. – Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn. – Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884). – Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế. – Nhận biết được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách	Kiểm tra viết: -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)

		của các quan lại, sĩ phu yêu nước. – Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của người Pháp đối với xã hội Việt Nam. – Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành. – Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ; mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính. – Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long. – Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam). – Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. – Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử. – Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. – Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam. – Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam. – Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc; trình bày được các khái niệm vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam). – Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. – Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.	
--	--	--	--

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS PHƯỚC BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Phụ lục IV
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP 9
(Năm học 2024 - 2025)

105 tiết/35 tuần (Sĩ: 41 tiết; Địa: 41 tiết; CD chung: 8 tiết; Ôn tập+KTĐG: 15 tiết)

HKI: 18 tuần; HKII: 17 tuần

Dạy xen kẽ tuần sử- tuần địa

Số TT (1)	Bài học (2)	Số tiết (3)	Yêu cầu cần đạt (4)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (5)	Hình thức dạy học (6)
--------------------------	------------------------	------------------------	--------------------------------	--	--------------------------------------

PHẦN LỊCH SỬ					
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945 (5 tiết)					
1	Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến 1945	1	- Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập. - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.		Trên lớp +lms
2	Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945	2 3	- Trình bày được những nét chính về: phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu. - Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.		Trên lớp +lms
3	Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945	7	Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.		Trên lớp +lms
4	Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)	8 9	- Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai. - Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước trong Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.		Trên lớp +lms
VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945 (6 tiết)					
5	Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 - 1930	13	Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930.		Trên lớp +lms
	Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	14 15	- Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930. - Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.		Trên lớp +lms

6	Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939	19	Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939.		Trên lớp +lms
7	Cách mạng tháng Tám năm 1945	20 21	- Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản. - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước. - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.	Giáo dục QPAN: <i>Giới thiệu lịch sử và truyền thống của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam.</i>	Trên lớp +lms
8	Ôn tập	25			
	Kiểm tra giữa học kì I	27			
THỂ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991 (11 tiết)					
9	Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)	31	Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.		Trên lớp +lms
10	Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991	32 33	- Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.		Trên lớp +lms
11	Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991	37 38	Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.		Trên lớp +lms
12	Mỹ La tinh từ năm 1945 đến năm 1991	39 43	- Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ Latinh từ năm 1945		Trên lớp +lms

			đến năm 1991. - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba.		
13	Một số nước ở châu Á từ năm 1945 đến năm 1991	44 45 49 50	- Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).		Trên lớp +lms
14	Ôn tập cuối kì	51			
	Kiểm tra cuối học kì I	53			
VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991(11 tiết)					
15	Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám	55		Giáo dục QPAN: <i>Hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược đối với dân tộc Việt Nam.</i>	Trên lớp +lms
16	Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954	56 57 61	- Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến		Trên lớp +lms

			toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946). - Nhận biết và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự trong những năm đầu của cuộc kháng chiến. - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao trong giai đoạn 1951 – 1954. - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).		
17	Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975	62 63 67 68 69	- Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...). – Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...). – Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	Giáo dục QPAN: <i>Giới thiệu một số bài hát ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam.</i>	Trên lớp +lms
18	Việt Nam trong những năm 1976 – 1991	73 74	– Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên đảo. – Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985. – Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước		Trên lớp +lms

			ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991. – Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.		
19	Ôn tập	76			
	Kiểm tra giữa học kì II	78			
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY (4 tiết)					
20	Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay	82	Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.		Trên lớp +lms
21	Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay	83	Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay		Trên lớp +lms
22	Nước Mỹ từ năm 1991 đến nay	84	Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.		Trên lớp +lms
23	Châu Á từ năm 1991 đến nay	88	Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay. – Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN.		Trên lớp +lms
VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY (1 tiết)					
24	Khái lược công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay Thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay	89	Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay	Giáo dục QPAN: Một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an	Trên lớp +lms

				ninh.	
CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ (1 tiết)					
25	Cách mạng khoa học, kỹ thuật và xu thế toàn cầu hóa	90	- Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam. - Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.		Trên lớp +lms
	Ôn tập	102			
	Kiểm tra cuối học kì II	104			
PHẦN ĐỊA LÍ					
26	ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM -Thành phần dân tộc -Gia tăng dân số ở các thời kì -Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính -Phân bố dân cư -Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn -Lao động và việc làm -Chất lượng cuộc sống	(4 tiết) 4 5 6 10	– Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam. – Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. – Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. – Đọc bản đồ Dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư. – Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. – Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương. – Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước.		Trên lớp +lms
	ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ				
27	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN - Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và	(4 tiết) 11	– Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.		Trên lớp +lms

	phân bố nông, lâm, thủy sản – Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản – Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh	12 16 17	– Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản. – Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. – Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.		
28	CÔNG NGHIỆP - Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp – Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu – Vấn đề phát triển công nghiệp xanh	(4 tiết) 18 22 23 24	– Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. – Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu. – Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính. – Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.		Trên lớp +lms
29	DỊCH VỤ - Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ – Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông – Thương mại, du lịch	(4 tiết) 29 30 34 35	– Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. – Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính. – Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông. – Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.		Trên lớp +lms
	SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ				
30	VÙNG TRUNG DU VÀ	(3 tiết)	– Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh		Trên lớp +lms

	MIỀN NÚI BẮC BỘ - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	36 40 41	thổ của vùng. – Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thủy sản, du lịch. – Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. – Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). – Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).		
31	VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng - Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng – Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	(4 tiết) 42 46 47 48	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. – Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thủy sản; vấn đề phát triển kinh tế biển. – Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng. – Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội. – Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). – Suru tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.		Trên lớp +lms
32	Ôn tập cuối kì	52			
	Kiểm tra cuối học kì I	54			

33	VÙNG BẮC TRUNG BỘ - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	(3 tiết) 58 59 60	– Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. – Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng. – Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. – Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ. – Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). – Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ. – Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở vùng Bắc Trung Bộ.		Trên lớp +lms
34	VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên - Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng – Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	(3 tiết) 64 65 66	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. – Phân tích được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính. – Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc. – Phân tích được những chuyển biến trong sự phát triển và phân bố kinh tế của vùng. – Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). – Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận. – Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.		Trên lớp +lms

35	VÙNG TÂY NGUYÊN – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	(4 tiết) 70 71 72 75	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. – Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. – Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên. – Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên; các vấn đề môi trường trong phát triển.		Trên lớp +lms
36	Ôn tập Kiểm tra giữa kì 2	77 79			
37	VÙNG ĐÔNG NAM BỘ - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng – Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	(3 tiết) 80 81 85	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. – Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ. – Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). – Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. – Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. – Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.		Trên lớp +lms
38	VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - Vị trí địa lí, phạm vi		– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự		

	lãnh thổ – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng – Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long	(3 tiết) 86 87 91	nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. – Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng. – Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). – Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. – Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long		
39	PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO – Biển và đảo Việt Nam – Phát triển tổng hợp kinh tế biển – Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đảo	(2 tiết) 92 93	– Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó. – Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. – Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông		Trên lớp +lms
CHỦ ĐỀ CHUNG					
40	Đô thị: Lịch sử và hiện tại	(2 tiết) 94 95	- Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực. - Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp. - Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.		Trên lớp +lms

41	Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long	(3 tiết) 96 97 98	- Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông. - Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. - Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại.		Trên lớp +lms
42	Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	(3 tiết) 99 100 101	- Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam. - Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.		Trên lớp +lms
43	Ôn tập	103			
	Kiểm tra cuối học kì II	105			

Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 – 90 phút	Tuần 9	+ Phân môn Sử: Bài 1 – 8 - Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập. - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên

		chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. - Trình bày được những nét chính về: phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu. - Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới. - Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. - Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước trong Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít. - Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930. - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930. - Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939. - Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản. - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước. - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. + Phân môn Địa: Bài 1 – 7 – Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.	máy tính): Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.
--	--	--	---

			– Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. – Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước. – Đọc bản đồ Dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư. – Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. - Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương. - Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. - Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản. - Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu. - Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. - Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính.	
Cuối Học kỳ 1	60 – 90 phút	Tuần 18	+ Phân môn Sử: Bài 1 – 13 - Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai. - Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

		- Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. - Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba. - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). + Phân môn Địa: Bài 1 – 12 – Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. - Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp. - Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính. - Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông. - Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. - Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thủy sản, du lịch. - Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất	
--	--	--	--

			lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Đồng bằng sông Hồng. - Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thủy sản; vấn đề phát triển kinh tế biển. - Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng. - Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội. - Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). Tỉ lệ: Sử 50%, Địa 50%	
Giữa Học kỳ 2	60 – 90 phút	Tuần 27	+ Phân môn Sử: Bài 14- 19 Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946). - Nhận biết và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự trong những năm đầu của cuộc kháng chiến. - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

		giao trong giai đoạn 1951 – 1954. - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam). - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1965 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”). - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975 (đánh bại các chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...). - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...). - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985. + Phân môn Địa: Bài 13 – 18 - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Bắc Trung Bộ. - Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ. - Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ. - Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ. - Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở vùng Bắc Trung Bộ. – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.	
--	--	---	--

			- Phân tích được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính. - Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc. - Phân tích được những chuyển biến trong sự phát triển và phân bố kinh tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. - Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Tây Nguyên. - Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Tây Nguyên. - Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên. - Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên. Tỉ lệ: Sử 50%, Địa 50%	
Cuối Học kỳ 2	60 – 90 phút	Tuần 35	+ Phân môn Sử: Bài 14- 24 - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). - Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. - Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991. - Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới. - Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay. - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

		- Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay. – Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. - Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. - Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam. - Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam. + Phân môn Địa: Bài 13 – 23 - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đông Nam Bộ. - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Đông Nam Bộ (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ. - Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ. - Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên	
--	--	---	--

		nhiên của vùng. - Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng. - Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó. - Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. + Chủ đề chung 1, 2, 3 - Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực. - Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp. - Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội. - Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông. - Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. - Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại. - Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam. - Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo	
--	--	---	--

			vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. Tỉ lệ: Sử 50%, Địa 50%	
--	--	--	---	--

